

Số: 105 /KT-QLBVR - FSC

Gia Lai, ngày 28 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NGUỒN NƯỚC

Căn cứ vào nguyên tắc, tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của FSC-STD-VN-01-2018.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quy Nhơn xây dựng kế hoạch giám sát chất lượng nguồn nước như sau:

1. Hiện trạng quản lý rừng và đất rừng:

Tổng diện tích đất đai công ty quản lý đến tháng 07 năm 2025 là 8.207,97 ha. Diện tích quản lý của Công ty nằm trên địa bàn 06 xã/phường. Bao gồm: phường Quy Nhơn, P. Quy Nhơn Nam, P. Quy Nhơn Tây, P. Quy Nhơn Bắc, xã Nhơn Châu và xã Canh Vinh – tỉnh Gia Lai. Phân theo hiện trạng như sau:

Số TT	Loại đất	Ký hiệu	Tổng diện tích quản lý (ha)
*	Tổng diện tích đất quản lý sử dụng	QLSD	8.207,97
I	Đất rừng sản xuất	RSX	1.798,79
1	Rừng tự nhiên (HCVF)	RSN	4,26
2	Rừng trồng	RST	1.468,46
3	Đất trồng rừng SX (đất chưa có rừng)	RSM	91,52
4	KN, phục hồi RTN (5% Diện tích CCR)	RSK	234,55
II	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.577,66
1	Rừng tự nhiên (HCVF)	RPN	1.445,51
2	Rừng trồng	RPT	1.820,40
3	Đất TR phòng hộ (đất chưa có rừng)	RPM	1.311,75
III	Đất rừng đặc dụng	RDD	1.436,33
1	Rừng trồng	RDT	873,21
2	Đất TR đặc dụng (đất chưa có rừng)	RDM	563,12
IV	Đất ngoài quy hoạch 3 loại rừng	NQH	384,64
1	Rừng trồng	NQT	290,99
2	Đất trồng rừng	NQM	93,65

	(đất chưa có rừng)		
V	Đất phi nông nghiệp	PNK	10,55
1	Đất trụ sở Công ty	TSK	2,93
2	Đất giao thông	DGT	4,88
3	Đất mặt nước chuyên dùng	MNC	0,39
4	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,35
I	Đất rừng sản xuất	RSX	1.798,79
1	Rừng tự nhiên (HCVF)	RSN	4,26
2	Rừng trồng	RST	1.468,46
3	Đất trồng rừng SX (đất chưa có rừng)	RSM	91,52
4	KN, phục hồi RTN (5% Diện tích CCR)	RSK	234,55

2. Kế hoạch sản xuất hàng năm

a) Sản xuất cây giống

Công ty tổ chức sản xuất cây giống phục vụ sản xuất kinh doanh và công tác trồng rừng. Số lượng khoảng 5,0 – 5,5 triệu cây/năm.

b) Trồng rừng

Hàng năm công ty trồng rừng sau khai thác bình quân: 253,13 ha/năm.

c) Khai thác

Hàng năm công ty khai thác bình quân: 253,12 ha/năm.

3. Nguồn nước trong địa phận quản lý của Công ty

Trong lâm phận của Công ty có:

- Tổng chiều dài 82,023 km; (với tổng diện tích hành lang ven suối là: 129,21ha)

4. Mục đích giám sát chất lượng nguồn nước

- Xác định nguồn gây ô nhiễm, khối lượng các chất ô nhiễm;
 - Đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các nguồn thải, các chất ô nhiễm;
 - Xây dựng các giải pháp giảm thiểu khả năng ảnh hưởng của các chất ô nhiễm tới nguồn nước và đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nước, đảm bảo nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất của cộng đồng.

- Sử dụng những kết quả đánh giá để điều chỉnh kế hoạch sản xuất nếu có bất cứ tác động tiêu cực nào nảy sinh.

5. Dự báo các hoạt động ảnh hưởng đến nguồn nước

Quá trình sản xuất từ sản xuất cây giống, trồng, chăm sóc rừng và khai thác vận xuất, vận chuyển sẽ có một số tác động đến môi trường nước như sau:

5.1. Hoạt động trồng và chăm sóc rừng trồng

- Hoạt động xử lý thực bì, cuốc hố chuẩn bị hiện trường trồng rừng, có sử dụng cuốc hồ thủ công;

- Có sử dụng thuốc BVTV, phân NPK và phân Vi sinh trong quá trình gieo ươm, trồng và chăm sóc rừng trồng.

5.2. Khai thác và tỉa thưa

Cuối chu kỳ rừng trồng được khai thác trắng theo lô. Bên cạnh đó việc chuyển hóa gỗ nhỏ sang gỗ lớn đòi hỏi phải khai thác tỉa thưa. Tuy thời gian rất ngắn do khai thác trắng đến đâu được trồng rừng ngay đến đó, khai thác tỉa thưa với cường độ thấp (30%) rừng nhanh chóng khép tán. Nhưng những hoạt động này có ảnh hưởng đến môi trường do mặt đất không còn cây che phủ.

5.3. Mở đường vận xuất, vận chuyển gỗ

Khi vận chuyển gỗ sau khai thác, có những địa điểm bắt buộc phải mở đường vận xuất, vận chuyển làm đất bị cày xới cũng gây ảnh hưởng nhất định đến nguồn nước.

5.4. Cành cây, lá rụng

Trong suốt chu kỳ kinh doanh rừng 6 - 7 năm đối với gỗ nhỏ, 10 đến 12 năm đối với rừng trồng gỗ lớn hoặc do hoạt động khai thác để lại một số cành nhánh, lá cây rụng tạo ra một số chất thải xuống nguồn nước.

Các hoạt động trên sẽ tạo ra một lượng đất bị xói mòn và một số chất thải xuống dòng chảy làm thay đổi hợp chất lượng nước và ngăn chặn dòng chảy. Do vậy, cần phải thực hiện việc giám sát chất lượng nguồn nước để xem mức độ và phạm vi ảnh hưởng để có những biện pháp giảm thiểu tích cực, nâng cao chất lượng nguồn nước...

5.5. Hoạt động sản xuất cây giống tại Vườn ươm

Trong hoạt động Vườn ươm, Công ty có sử dụng một số loại thuốc bảo vệ thực vật (được phép sử dụng) trong gieo ươm, phòng trừ nấm bệnh; nếu không được kiểm soát tốt sẽ ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước. Rác thải sinh hoạt, các phế thải để lại sau gieo ươm cây giống cũng là yếu tố tiềm tàng ảnh hưởng đến nguồn nước.

6. Kế hoạch giám sát

6.1. Căn cứ vào quy mô sản xuất của Công ty, việc giám sát chất lượng nguồn nước sẽ được thực hiện tại các vị trí như sau:

- Giám sát chất lượng nguồn nước tại các dòng suối lớn, dòng suối vừa và dòng suối nhỏ tại các đội QLBR, nơi có diện tích trồng rừng, khai thác rừng hàng năm lớn và đội sản xuất cây giống cụ thể:

- Tại Đội QLBR Vũng Chùa: Thu thập 1 mẫu nước.
- Tại Đội QLBR Cù Mông: Thu thập 1 mẫu nước.
- Tại Đội QLBR Long Mỹ: Thu thập 1 mẫu nước.

- Tại Đội QLBRV Bắc Sơn: Thu thập 1 mẫu nước.
- Tại Đội SXCG Sông Ngang: Thu thập 1 mẫu nước.

6.2. Thời gian giám sát: Vào tháng 12 hàng năm.

6.3. Nội dung và phương pháp giám sát: Công ty TNHH kiểm nghiệm môi trường và kiểm định Miền Trung thực hiện việc giám sát và phân tích chất lượng nguồn nước. Nội dung và phương pháp giám sát được thể hiện rõ trong điều khoản hợp đồng.

7. Kết quả giám sát chất lượng nguồn nước năm 2024

Công ty đã thuê Công ty TNHH kiểm nghiệm môi trường và kiểm định Miền Trung. Kết quả giám sát năm 2024 cho thấy các chỉ tiêu thử nghiệm chất lượng nguồn nước đã được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

(Kèm theo hồ sơ kết quả xét nghiệm chất lượng nguồn nước)

7.1. Kết luận:

- Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nguồn nước trong khu vực, các chỉ số xét nghiệm đã được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn đề ra.

- Trồng rừng nguyên liệu giấy ít có ảnh hưởng xấu đến môi trường mà phần lớn có lợi cho môi trường sinh thái, bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước, làm tăng mực nước ngầm, góp phần phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tăng độ che phủ của rừng, bên cạnh đó là sự trao đổi khí từ quá trình quang hợp của cây xanh.

7.2. Tồn tại:

- Trong thời gian 3 năm thực hiện theo kế hoạch quản lý rừng bền vững đã cho kết quả nhất định về kinh tế- xã hội- môi trường, song chưa đủ thời gian để khẳng định, mọi hoạt động cần có nhiều hơn thời gian để chứng minh tác động tích cực đến môi trường xung quanh.

- Nghiệp vụ của cán bộ chưa chuyên sâu trong lĩnh vực nghiên cứu nên còn nhiều bỡ ngỡ, vừa làm vừa nghiên cứu tài liệu nên phần nào ảnh hưởng tới tiến độ chưa chuẩn theo chu kỳ nghiên cứu. *l.nh*

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Công ty;
- Các Phòng nghiệp vụ;
- Các Đội QLBRV, Đội SXCG;
- Các đơn vị, cá nhân trồng rừng;
- Lưu: VT, TT.FSC.

GIÁM ĐỐC



Ngô Văn Tĩnh